TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày 01/6/2020
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền;

Ông Võ Kế An.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Tiểu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 568/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu S, sinh năm: 1991; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã PC, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Chí L, sinh năm: 1984; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 9B, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thu S trình bày:

Chị và anh Huỳnh Chí L chung sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 19/3/2015, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, khi chị mang thai thì chồng và gia đình chồng nghi ngờ không phải con của chồng chị nên anh chị đã ly thân từ tháng 8/2015 cho đến nay, vợ chồng không còn quan

tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy2mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thùy V sinh ngày 25/8/2015, hiện đang sống với mẹ. Sau khi ly hôn chị S yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Huỳnh Chí L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc chị S xin ly hôn với anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu S có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Huỳnh Chí L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị S, anh L.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, chị S yêu cầu được ly hôn với anh L nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh L có nơi cư trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Trần Thị Thu S và anh Huỳnh Chí L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 19/3/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. chị S và anh L chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, khi chị mang thai thì chồng và gia đình chồng nghi ngờ không phải con của chồng chị, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nên anh chị đã ly thân từ tháng 8/2015 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, chị S vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn, còn anh L thì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc chị S xin ly hôn với anh. Điều này cho thấy anh L đã không yêu thương, quan tâm và không có ý định hàn gắn tình cảm

cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng đã3trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thùy V sinh ngày 25/8/2015, hiện đang sống với mẹ. Sau khi ly hôn chị S yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sau khi ly thân chị S là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu V khỏe mạnh và ổn định cho đến nay nên việc giao con chung cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị S không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung: chị S xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, anh L không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: chị S xác định không yêu cầu giải quyết về nợ chung, anh L không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Trần Thị Thu S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thu S.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thu S được ly hôn với anh Huỳnh Chí L.

Về con chung: Giao con chung Trần Thùy V sinh ngày 25/8/2015 cho chị Trần Thị Thu S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Huỳnh Chí L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Thu S4phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Trần Thị Thu S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 17262 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị S đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu S, anh Huỳnh Chí L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh